

Gs. Phạm Cao Dương : Từ Bảo Đại đến Hồ Chí Minh – Hai bản tuyên ngôn độc lập

14/10/2011

"Giáo sư Phạm Cao Dương tốt nghiệp ĐH Sư phạm, ĐH Văn khoa Sài Gòn và Tiến Sĩ Sử học tại Pháp. Ông từng giảng dạy tại các trường Đại học Sư Phạm Sài Gòn, Đại học Văn Khoa Sài Gòn và là giáo sư thỉnh giảng tại các đại học Đà Lạt, Huế, Cần Thơ, Vạn Hạnh và Cao Đài. Định cư tại Hoa kỳ từ năm 1975, ông tiếp tục giảng dạy các môn lịch sử, văn hóa và ngôn ngữ Việt nam trong gần ba chục năm qua tại các trường UCI, UCLA, Cal State Long Beach, Santa Ana College..."



Trong lịch sử tranh đấu giành độc lập của dân tộc Việt Nam trong thế kỷ hai mươi, hai lần nước ta đã được các nhà cầm quyền đương thời chính thức tuyên bố độc lập. Lần thứ nhất vào ngày 11 tháng 3 năm 1945 bởi Hoàng Đế Bảo Đại và lần thứ hai bởi Chủ tịch Chính Phủ Lâm Thời Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa Hồ Chí Minh vào ngày 2 tháng 9 năm 1945. Hai lần cả thảy, nhưng đa số người Việt chỉ biết hay chỉ được học có một lần. Họ chỉ biết có bản tuyên ngôn của Hồ Chí Minh ngày 2 tháng 9 mà không biết bản tuyên ngôn của Bảo Đại ngày 11 tháng 3. Lịch sử do đó chỉ được biết có một nửa thay vì toàn vẹn. Bài này nhằm bổ khuyết cho tình trạng thiếu sót đó, đồng thời phân tích nội dung và ý nghĩa của từng bản.

TUYÊN NGÔN CỦA BẢO ĐẠI

Hoàn cảnh được công bố



Bản tuyên ngôn độc Lập của Bảo Đại được công bố ngày 11 tháng 3 năm 1945, hai ngày sau khi Nhật đảo chính Pháp ở Đông Dương và sau một thời gian dài hơn bốn năm, từ tháng 9 năm 1940, sau khi quân Nhật vào phần đất này của Đông Nam Á và gần năm tháng trước khi Nhật Bản đầu hàng và Thế Chiến Thứ Hai kết thúc. Trong thời gian này Việt Nam bị sống dưới sự cai trị của cả người Pháp, từ sau khi Hòa Ước 1884 được ký kết, lẫn người Nhật, từ ngày 22 tháng 9 năm 1940, với một hậu quả khủng khiếp là Trận Đói Tháng Ba Năm Ất Dậu. Hoàn cảnh này đã làm cho không chỉ riêng những người Cộng Sản, vốn chủ trương đánh đổ chế độ quân chủ để cướp chính quyền (chữ của chính người Cộng Sản) để từ đó thực thi cách mạng vô sản mà luôn cả những người không có cảm tình với chế độ quân chủ đương thời và chủ trương lật đổ

chế độ này để thay thế bằng một chế độ dân chủ, không nhìn nhận giá trị đích thực của nó. Bảo Đại bị coi như một ông vua bù nhìn, trước kia trong tay người Pháp và lúc đó trong tay người Nhật. Theo họ trước kia người Pháp bảo sao, ông làm vậy và sau đảo chính 9 tháng 3 năm 1945, người Nhật bảo ông tuyên bố độc lập thì ông tuyên bố độc lập, thế thôi. Người ta hiểu hay được học đơn giản như vậy. Nền độc lập mà Bảo Đại tuyên bố chỉ là do người Nhật ban cho và bản tuyên ngôn của ông chẳng có một giá trị gì trong lịch sử đấu tranh giành độc lập của người Việt. Thực chất của nó chỉ là sự tuyên bố công khai việc thay thầy đổi chủ của triều đình Bảo Đại(1) không hơn không kém. Sự thực không đơn giản như vậy. Người Nhật có lý do làm đảo chính lật đổ người Pháp và Bảo Đại có lý do phải chấp nhận yêu cầu của người Nhật tuyên bố Việt Nam độc lập. Lý do của Bảo Đại đã được ông giải thích khi tiếp kiến Trần Trọng Kim và cố gắng thuyết phục ông này chấp nhận làm thủ tướng đầu tiên của chính phủ Nam Triều độc lập. Nguyên văn câu nói được Trần Trọng Kim kể lại như sau:

-Trước kia nước Pháp giữ quyền bảo hộ nước ta, nay đã không giữ được nước cho ta, để quân Nhật đánh đổ, vậy những điều trong hiệp ước năm 1884 không có hiệu quả nữa, nên Bộ thượng thư đã tuyên hủy hiệp ước ấy. Trẫm phải đứng vai chủ trương việc nước và lập chính phủ để đối phó mọi việc.(2)

Người ta cần phải nhớ là hơn mười năm trước đó, sau khi du học từ Pháp về tới Huế được hai ngày, ngày tháng 10 tháng 9 năm 1932, Bảo Đại đã ra Dụ số 1 tuyên bố chấp chính và khẳng định chế độ quân chủ của Nam Triều hủy bỏ Quy Ước 6 tháng 11 năm 1925 do Hội Đồng Phụ Chính, đứng đầu là Tôn Thất hân, ký với Toàn Quyền Đông Dương thời ông còn nhỏ tuổi và đang du học bên Pháp, tước bỏ hầu hết các quyền hành còn lại của nhà vua trừ các quyền có tính cách nghi lễ, ân xá, sắc phong, tế lễ...kèm theo nhiều dụ khác nhằm thực hiện những cải cách qui mô trong nền hành chánh của chính phủ Nam Triều, nhưng đã bị người Pháp ngăn cản và bị thất bại. Đảo chính 9 tháng 3 năm 1945 và lời yêu cầu tuyên bố độc lập của người Nhật dù gì đi chăng nữa cũng là điều vị hoàng đế còn trẻ tuổi từ lâu mong đợi. Ngoài ra theo nhận định và giải thích nhằm thúc đẩy Trần Trọng Kim chịu khó lập chính phủ mới. Ông nói :

-Trước kia người mình chưa độc lập. Nay có cơ hội, tuy chưa phải độc lập hẳn, nhưng mình cũng phải tỏ ra có đủ tư cách để độc lập. Nếu không có chính phủ thì người Nhật bảo mình bất lực, tất họ lập cách cai trị theo thể lệ nhà binh rất hại cho nước ta. Vậy ông nên vì nghĩa vụ cố lập thành một chính phủ để lo việc nước.(3)

Hai tiếng cơ hội Bảo Đại dùng ở đây cho ta thấy ông từ lâu mong có dịp này. Đồng thời ông cũng hiểu rằng nền độc lập mà ông tuyên cáo chưa phải độc lập hẳn. Chưa hết, tuyên bố rồi ông còn có nhu cầu phải tỏ ra có đủ tư cách để độc lập và nhất là để tránh không để cho người Nhật lập cách cai trị theo thể lệ nhà binh rất hại cho nước ta. Một sự e ngại chỉ có những người có kiến thức về lịch sử và chính trị học mới biết được. Ngoài ra những tiếng rất có hại cho nước ta cũng cho người ta thấy đối tượng của hành động tuyên cáo độc lập của ông không phải là ngôi vua mà là đất nước Việt Nam và dân tộc Việt Nam, đất nước của ông và thần dân của ông. Cái nhìn và quan điểm này cũng như sự hiểu biết của ông về tình hình thế giới và thế tất bại của người Nhật về sau đã được ông nói rõ trong hồi ký của ông. Riêng đối với người Nhật, ông đã không tin tưởng ở họ cũng như chiêu bài Đại Đông Á của họ. Nói cách khác Bảo Đại ở vị thế phải chấp nhận nhập cuộc dù ông hiểu rõ sự phức tạp của vấn đề. Phần khác như ông cũng nói tới trong hồi ký của ông: Độc lập là ước mơ của tất cả mọi người Việt Nam thời đó.

Nội dung bản Tuyên ngôn

Đây là một bản văn tương đối ngắn so với những bản văn cùng loại, nhằm ba mục tiêu chính yếu là hủy bỏ hòa ước Triều Đình Huế đã ký với nước Pháp, tuyên bố Việt Nam độc lập, đứng vào khối Đại Đông Á trong chương trình phát triển chung, đồng thời bày tỏ sự tin tưởng vào lòng thành của nước Nhật với nguyên văn như sau:

Cứ tình hình chung trong thiên hạ, tình thế riêng cõi Đông Á, chính phủ Việt Nam tuyên bố từ ngày này điều ước bảo hộ với nước Pháp bãi bỏ và nước Nam khôi phục quyền độc lập.

Nước Việt Nam sẽ gắng sức tự tiến triển cho xứng đáng một quốc gia độc lập và theo như lời tuyên ngôn chung của Đại Đông Á, đem tài lực giúp cho cuộc thịnh vượng chung.

Vậy Chính Phủ Việt Nam một lòng tin cậy lòng thành ở Nhật Bản đế quốc, quyết chí hợp tác với nước Nhật, đem hết tài sản trong nước để cho đạt được mục đích như trên.(4)

Bản Tuyên Bố được đề ngày 11 tháng Ba năm 1945 tức ngày 27 tháng Giêng năm Bảo Đại thứ 20 được Bảo Đại ký tên với sáu thượng thư phó thư.

Đọc bản Tuyên Ngôn Độc Lập này của Bảo Đại, người ta cần chú ý tới những chi tiết sau đây:

Thứ nhất: Điều ước bị hủy bỏ ở đây là Hòa Ước Giáp Thân được ký kết giữa Triều Đình Huế và người Pháp ngày 6 tháng 6 năm 1884, đặc biệt hai điều khoản là điều khoản thứ nhất, theo đó Việt Nam công nhận và chấp nhận Quyền Bảo Hộ của nước Pháp và điều khoản thứ mười lăm, theo đó nước Pháp cam kết bảo đảm sự toàn vẹn lãnh thổ của các xứ do vua Việt Nam cai trị và bảo vệ nhà vua chống lại những sự xâm nhập từ bên ngoài và những cuộc nổi loạn từ bên trong...(5). Sự hủy bỏ này phải được hiểu là do người Pháp bất lực không bảo vệ được Việt Nam trước sự bành trướng của quân đội Nhật và cuối cùng là chính họ đã bị người Nhật lật đổ trong cuộc Đảo Chính 9 tháng 3 năm 1945. Sự hủy bỏ này cũng có tính cách đơn phương từ phía Bảo Đại với tư cách là người kế vị chính thống của Triều Đình Nhà Nguyễn căn cứ vào những gì đã xảy ra vào thời điểm này. Điểm cần được lưu ý ở đây là từ ngữ hòa ước trong văn kiện này được dùng theo số ít, trong tiếng Việt, không có chữ các đi kèm và trong tiếng Pháp không có chữ s theo sau. Điều này có nghĩa là bản tuyên cáo chỉ hủy bỏ hòa ước bảo hộ tức Hòa Ước Giáp Thân 1884 mà thôi thay vì hủy bỏ tất cả các hòa ước đã được ký kết trước đó. Đó là các Hòa Ước Nhâm Tuất 1862 và Hòa Ước Giáp Tuất 1874 liên hệ tới xứ Nam Kỳ. Vấn đề thân hồi xứ Nam Kỳ do đó đã trở thành mối bận tâm và một phần hành quan trọng của chính Bảo Đại ngay từ buổi nhà vua tiếp kiến Đại Sứ Nhật Yokoyama liên hệ tới việc tuyên cáo độc lập và của chính quyền Bảo Đại - Trần Trọng Kim trong gần suốt thời gian tồn tại. Xứ Nam Kỳ chỉ được người Nhật trao trả trong những ngày cuối của chính quyền này.

Thứ hai: Nước Việt Nam sẽ gắng sức tự phát triển cho xứng đáng một quốc gia độc lập....giúp cho cuộc thịnh vượng chung. Câu này xác định phương thức hoạt động nhằm thực hiện tư cách độc lập (tự phát triển như một quốc gia độc lập không phụ thuộc vào nước ngoài cho xứng đáng một quốc gia độc lập) và thế đứng của Việt Nam trên trường quốc tế (tự coi mình là

một phần tử Đại Đông Á, đem tài lực giúp cho cuộc thịnh vượng chung). Nên để tới khẩu hiệu Châu Á của Người Á do người Nhật đưa ra trong thời này, một khẩu hiệu hàm chứa sự độc lập của các nước Á Châu lúc đó là thuộc địa của các đế quốc Âu Châu. Đây cũng là một cách nói trước một cách khéo léo để ngăn chặn trước sự can thiệp vào nội tình Việt Nam của người Nhật.

Thứ ba: Chính phủ Việt Nam một lòng tin cậy lòng thành ở Nhật Bản đế quốc...Câu này nhằm buộc chặt lời hứa của người Nhật bằng cách nhấn mạnh vào sự trung thành với những gì họ đã nói của họ, một truyền thống chung của các dân tộc Á Đông.

Thứ tư: quyết chí hợp tác với nước Nhật đem hết tài sản trong nước để đạt được mục đích như trên. Mục đích như trên là mục đích gì? Phải hiểu mục đích này bao gồm hai phần là tự tiến triển cho xứng đáng một quốc gia độc lập và giúp cho cuộc thịnh vượng chung như là một phần tử Đại Đông Á.

Nói cách khác, đây là một bản văn tuy ngắn ngủi, cô đọng nhưng rất quan trọng vì nó vừa mang tính cách pháp lý, có liên hệ tới nhiều văn kiện ngoại giao khác đã được hình thành trước đó, vừa biểu lộ chủ trương của một quốc gia được trao trả độc lập trong một hoàn cảnh không nhận không được, vô cùng tế nhị và phức tạp vào lúc tình hình thế giới biến chuyển quá nhanh và hoàn toàn bất lợi cho quân đội và quốc gia đảm nhận sự trao trả nền độc lập này. Mỗi điều nói ra, mỗi chữ được viết đều đòi hỏi người soạn thảo phải vô cùng thận trọng và ước tính kỹ càng.

Ai là tác giả của bản tuyên ngôn này?

Người được nói đến nhiều nhất là Phạm Quỳnh, lúc đó đang giữ chức thượng thư bộ lại. Điều này có nhiều phần đúng nếu người ta để ý tới khả năng nghị luận và viết văn, viết báo kèm theo sự hiểu biết của ông trước đó. Nó cũng được Phạm Khắc Hòe, Ngự Tiền Văn Phòng Tổng Lý của Bảo Đại trong hồi ký của ông này xác nhận.(6)

BẢN TUYÊN NGÔN CỦA HỒ CHÍ MINH

Hoàn cảnh được công bố



Bản tuyên ngôn này đã được Hồ Chí Minh đọc tại Quảng Trường Ba Đình ở Hà Nội vào buổi chiều ngày 2 tháng Chín năm 1945, ngót năm tháng sau bản tuyên ngôn của Bảo Đại, hơn hai tuần lễ sau khi Nhật Bản đầu hàng,, mười ba ngày sau khi Việt Minh cướp được chính quyền ở Hà Nội và hai ngày sau khi Bảo Đại chính thức thoái vị. Vì được công bố sau bản tuyên ngôn của Bảo Đại, sau khi người Nhật đã đầu hàng cũng như chế độ bảo hộ của người Pháp đã bị người Nhật lật đổ trước đó, bản tuyên ngôn này đã bị nhiều người cho là thừa, không cần thiết, chưa kể tới sự kiện là chính phủ mới do Hồ Chí Minh thành lập là kế vị chính phủ Nam Triều do Bảo Đại thoái vị nhường cho dựa theo chiếu thoái vị của Bảo Đại và đã được Hồ Chí Minh và chính phủ mới của ông chấp nhận. Chính Phủ Lâm Thời của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa trong những điều kiện này đương nhiên kế tục những gì Bảo Đại và chính phủ Trần Trọng Kim đã làm trước đó, trong đó có Bản Tuyên Ngôn Độc Lập ngày 11 tháng 3 năm 1945. Lập luận như vậy là hoàn toàn hợp lý đứng trên phương diện pháp lý. Một lập luận đơn giản và hoàn toàn dễ hiểu.

Câu hỏi được đặt ra là Hồ Chí Minh, và những cộng sự viên của ông, khi đưa ra bản tuyên ngôn của mình có biết là trước đó Bảo Đại đã làm công việc này rồi hay không? và biết như vậy tại sao ông lại còn làm lại việc đó một lần nữa? Cho câu hỏi thứ nhất, câu trả lời là chắc chắn có; Hồ Chí Minh hẳn phải biết là Bảo Đại trước đó đã tuyên cáo hủy bỏ hòa ước bảo hộ 1884 rồi.

Nhưng ông vẫn làm lại công việc này vì ông có nhu cầu phải làm. Những nhu cầu đó là những nhu cầu gì? Thứ nhất là vì từ lâu toàn dân ai nấy đều khao khát được thấy nước nhà độc lập, đúng như Bảo Đại đã viết trong hồi ký của ông, độc lập là ước mơ của mọi người dân Việt(7), cũng như nó được phản ánh ở khắp nước ngay trước và sau ngày 2 tháng 9 năm 1945. Nói tới độc lập vào lúc đó là gõ đúng tần số của bất cứ một người dân Việt Nam nào. Thứ hai là cho tới ngày 2 tháng 9 năm 1945, cái tên Hồ Chí Minh hoàn toàn xa lạ ở trong nước cũng như ở ngoài nước. Võ Nguyên Giáp, một trong những cộng sự viên thân cận nhất của Hồ Chí Minh trong thời gian này, đã viết trong hồi ký của ông này rằng: Ba tiếng HỒ CHÍ MINH không bao lâu đã vang đi khắp thế giới với những truyền thuyết mà người ta thường dành cho các bậc vĩ nhân.

Nhưng vào ngày hôm ấy, cái tên mới của Bác vẫn còn mới lạ với nhiều đồng bào. Số người biết Bác chính là đồng chí Nguyễn Ái Quốc khi đó không nhiều.(8) Ngay vua Bảo Đại ngày 23 tháng 8 năm 1945, khi nhận được điện tín của các ông Nguyễn Xiển, Nguyễn Văn Huyền, Nguyễn Như Kon-Tum và Hồ Hữu Tường nhân danh Ủy Ban Nhân Dân Cách mạng, yêu cầu nhà vua thoái vị nhường quyền lãnh đạo quốc gia cho Chính Phủ Nhân Dân Cách mạng với chủ tịch là Cụ Hồ Chí Minh đã không biết Hồ Chí Minh là ai. Còn Phạm Khắc Hòe, người được Việt Minh gài vào cạnh nhà vua cũng không biết nốt, phải chạy đi hỏi Tôn Quang Phiệt, rồi Đào Duy Anh nhưng Tôn Quang Phiệt đi vắng và Đào Duy Anh lục lọi, truy tìm các tài liệu, sách vở ông có nhưng cũng không ra tên này. Cuối cùng Vũ Văn Hiên, ở Bắc về mới xác nhận Hồ Chí Minh là Nguyễn Ái Quốc.(9) Tuyên bố Việt Nam độc lập đối với Hồ Chí Minh vào thời điểm này do đó là cách tự giới thiệu mình tốt nhất và hữu hiệu nhất với toàn thể đồng bào và để được nhìn và được chấp nhận như là lãnh tụ đầu tiên đã mang lại được độc lập cho tổ quốc và cho toàn dân Việt Nam, một nhu cầu tối cần thiết, dầu rằng nền độc lập này hoàn toàn không phải do ông hay do Mặt Trận Việt Minh tạo ra mà là do những biến cố khác của lịch sử, trong đó quan trọng nhất là Đảo Chính 9 tháng Ba năm 1945, trong đó người Nhật đã loại bỏ người Pháp và cuối cùng là sự bại trận sau này của người Nhật.

Chúng ta cũng cần để ý là đối với đa số người Việt Nam thời đó, ngày 2 tháng 9 là Ngày Độc Lập, đúng như Nguyễn Hữu Đang, người được Hồ Chí Minh chỉ định tổ chức ngày này gọi qua các văn thư chính thức ông đã gửi cho các cơ quan liên hệ, trong đó có thư gửi cho Thị Trưởng

Hà Nội(10) và theo bìa in bản tuyên ngôn của bản đầu tiên năm 1945, do Chủ tịch Chính Phủ Lâm Thời Việt Nam Hồ Chí Minh đọc trong Ngày Độc Lập.(11) Nhưng đối với Hồ Chí Minh ngày 2 tháng 9 còn có một ý nghĩa quan trọng hơn nữa. Đó là ngày khép lại cuộc Cách mạng tháng Tám, và khai sinh nước Việt Nam Dân Chủ Cộng hòa, theo lời ông nói với Nguyễn Hữu Đang, Chú phải nhớ...(12) Tại sao vậy? Tại vì Hồ Chí Minh phải làm chuyện này trước khi quân Đồng Minh kéo vào Việt Nam, đặc biệt là thủ đô Hà Nội, nhằm đặt họ trước một sự đã rồi, không thể đảo ngược được.. Sự kiện vua Bảo Đại thoái vị được nhắc tới và câu Toàn dân Việt Nam, trên dưới một lòng, kiên quyết chống lại âm mưu của bọn thực dân Pháp là nhằm vào mục tiêu này.

Nội dung bản Tuyên Ngôn

Bản Tuyên Ngôn Độc lập của Hồ Chí Minh vì được phổ biến rộng rãi và hầu như duy nhất cùng với ngày 2 tháng 9 sau đó được coi như Ngày Quốc Khánh của Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa và sau này là của Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam nên đã được nhiều người đọc, phân tích, tìm hiểu. Trong phần này người viết chỉ nêu lên những gì ít được người ta nhắc hay để ý đến.

Trong khi Tuyên Cáo của Bảo Đại đơn giản chỉ là một bản văn thuần túy pháp lý hủy bỏ hòa ước bảo hộ mà triều đình Huế đã ký trước đó căn cứ vào sự bất lực của người Pháp không giữ được cam kết đã được ghi trong điều khoản thứ nhất và điều khoản thứ mười lăm của hòa ước này mà không nhằm vào một đối tượng- quần chúng hay quốc tế, thì bản Tuyên Ngôn của Hồ Chí Minh nhằm vào toàn thể người Việt qua lời mở đầu “Hỡi đồng bào cả nước” nhưng ở những đoạn cuối lại nhằm vào các nước Đồng Minh. Điều này phải tinh ý người ta mới nhận ra được. Về tư cách, Bảo Đại nhân danh Hoàng Đế Việt Nam, người đứng đầu của một quốc gia độc lập đã tồn tại từ trước khi người Pháp xâm lăng và là người kế thừa chính thống của các vua Nhà Nguyễn., thì Hồ Chí Minh đã nhân danh Lâm Thời Chính Phủ của nước Việt Nam mới. Mới là vì đến ngày đó chính phủ này mới chính thức được ra mắt trước quốc dân. Lời văn do đó

phản ánh hai tư cách của hai bản chất con người khác nhau. Một người là hoàng đế kế thừa chính thống của một triều đại đã trị vì một quốc gia từ hơn một trăm năm trước dù cho là chỉ còn hư vị; một người là lãnh tụ của một phong trào cách mạng vừa chủ trương chống Pháp,

vừa chủ trương chống Nhật và lật đổ chế độ quân chủ để giành chính quyền. Văn phong trong bản tuyên ngôn của Bảo Đại là văn phong bình thường của người cầm quyền; còn văn phong của Hồ Chí Minh mang tính cách kêu gọi và ở một mức độ nào đó có tính cách bình dân, kể lể dài dòng và nhất là xáo động.

Mở đầu cho bản tuyên ngôn, Hồ Chí Minh đã trích dẫn một số câu trong phần đầu của Bản Tuyên Ngôn Độc Lập của người Mỹ và một câu trong Bản Tuyên Ngôn Nhân Quyền và Dân Quyền của Cách Mạng Pháp. Sự trích dẫn này, vào lúc mà sự hiểu biết của quần chúng Việt Nam còn thấp kém, đặc biệt là về lịch sử Hoa Kỳ và thế giới chắc chắn không nhằm vào quần chúng người Việt mà nhằm vào người Mỹ và người Pháp. Lý do là Hồ Chí Minh như là một đảng viên Cộng Sản Quốc Tế chắc chắn đã hiểu hơn ai hết là người Mỹ vào thời điểm này đã đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong chính tình ở Á Châu, trong đó có Việt Nam. Được người Mỹ công nhận là coi như làm chủ được chính quyền. Hiểu được như vậy, ngay từ khi còn ở chiến khu Hồ Chí Minh khi tiếp xúc với người Mỹ đã yêu cầu họ cung cấp cho ông một bản Tuyên Ngôn Độc Lập của họ, đồng thời khi tiếp xúc với họ, Hồ Chí Minh cũng nhận thấy rằng nói về lịch sử nước Mỹ với họ là một cách để chinh phục cảm tình của họ. Cũng vậy, với những chúa đựng trong bản Tuyên Ngôn Nhân Quyền và Dân Quyền của người Pháp. Có điều sự trích dẫn chỉ nhằm một mục tiêu lôi cuốn sự chú ý và cảm tình của người Mỹ mà thôi. Hồ Chí Minh không cần đi xa hơn nữa và rất có thể ông cũng không hiểu rõ hơn hay cố tình không hiểu sự khác biệt trong quá trình giành độc lập của mười ba thuộc địa của người Mỹ vào cuối thế kỷ XVIII vào của nước Việt Nam thời ông. Vì vậy ông đã áp dụng quan điểm của người Mỹ về quyền bình đẳng, quyền được sống tự do và mưu cầu hạnh phúc của mọi - người - như-là-những-cá-nhân vào trường hợp Việt Nam như một - quốc - gia đòi quyền độc lập một cách gượng ép hay ít ra là suy luận theo quan điểm chủ quan của mình với dụng ý riêng của mình. Cũng vậy với những gì ông trích dẫn từ bản Tuyên Ngôn Nhân Quyền và Dân Quyền của Cách Mạng Pháp.

Phần kế tiếp, Hồ Chí Minh lên án người Pháp và người Nhật, đồng thời ông kể công cho Việt Minh. Trước ngày mùng 9 tháng 3, đã bao lần Việt minh đã kêu gọi người Pháp liên minh để chống Nhật...sau đó đã giúp cho nhiều người Pháp chạy qua biên thùý, lại cứu nhiều người

Pháp ra khỏi nhà giam Nhật, và bảo vệ tính mạng và tài sản cho họ, và kết luận là Sự thật là dân ta đã lấy lại nước Việt-nam từ tay Nhật, chứ không phải từ tay Pháp. Điều như người viết đã nói ở trên là không đúng sự thật. Sự thật là Chính Phủ Bảo Đại - Trần Trọng Kim đã lấy lại được toàn thể nước Việt Nam từ trước khi người Nhật đầu hàng kể cả xứ Nam Kỳ và Việt Minh đã cướp chính quyền từ trong tay của chính phủ Bảo Đại -Trần Trọng Kim trong những ngày 17 và 19 tháng 8 năm 1945 sau đó. Lý do là vì Việt Minh đã có đường riêng của họ rồi, nói theo Phan Anh, Bộ Trưởng Thanh Niên trong Chính Phủ Trần Trọng Kim và sau này là Bộ Trưởng Bộ Quốc Phòng trong Chính Phủ Liên Hiệp của Hồ Chí Minh.Trong những đoạn này Hồ Chí Minh đã dùng các từ ngữ ta hay dân ta hay đất nước ta, nhưng mục đích không nhằm vào người Việt Nam mà vào người Pháp.

Phần cuối cùng của bản văn, từ Bởi thế cho nên...cho đến hết, lời văn cho người ta thấy Hồ Chí Minh không hướng về người Việt mà về cả thế giới. Trong phần này ông xưng là chúng tôi, Lâm thời Chính phủ, đại biểu cho toàn dân Việt -nam để tuyên bố thoát ly hẳn quan hệ với Pháp, kêu gọi các nước Đồng Minh công nhận quyền độc lập của dân Việt-nam...Phần này Hồ

Chí Minh thay vì quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc của mọi - người - như - những - cá - nhân do Tạo Hóa ban cho, những quyền phải hiểu là tự nhiên ai cũng có, đã nói về quyền hưởng tự do và độc lập của - cả - nước - Việt - Nam. Điều này hoàn toàn trái với tinh thần của bản Tuyên Ngôn Độc Lập của Người Mỹ và nhất là của bản Tuyên Ngôn Nhân Quyền và Dân Quyền của Cách mạng Pháp mà danh xưng của nó đã nói lên một cách rõ ràng, không thể hiểu sai được. Không những thế, thay vì coi những quyền này là do Tạo Hóa ban cho, ông lại lý luận là vì dân tộc Việt Nam là Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn tám mươi năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát-xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc ấy phải được độc lập! Lý luận như vậy người ta phải hiểu, theo Hồ Chí Minh, rằng những dân tộc không gan góc chống lại những thế lực đè nén, áp bức mình và không gan góc đứng về phe Đồng Minh, chống phát-xít là không đáng được tự do, độc lập. Cũng vậy, với các quyền độc lập, tự do và mưu cầu hạnh phúc của con người như là những cá nhân trong xã hội. Chính vì vậy Trần thanh Hiệp,khi được Đài Á Châu Tự Do phỏng vấn ngày 2 tháng 9 năm 2007, đã có lý khi ông gọi bản tuyên ngôn của Hồ Chí Minh

này là một bản tuyên ngôn phi nhân quyền(13) dù cho là nó đã được chính tác giả của nó trích dẫn và soạn thảo theo tinh thần của bản Tuyên Ngôn Nhân Quyền và Dân Quyền của Cách mạng Pháp.

Người ta có thể giải thích sự thiếu rõ ràng trong bản Tuyên Ngôn Độc Lập kể trên là do nó đã được soạn thảo trong một thời gian quá ngắn và trong tình trạng tác giả (hay những tác giả) của nó còn phải bận rộn với nhiều vấn đề cấp bách khác. Điều này không đúng vì trước đó từ lâu, khi tiếp xúc với một sĩ quan người Mỹ, Hồ Chí Minh đã xin một bản tuyên ngôn của người Mỹ rồi. Nói cách khác, Hồ Chí Minh đã nghĩ tới và đã thai nghén bản tuyên ngôn của ông từ lâu rồi. Do đó những gì ông nói tới, những từ ngữ ông dùng đều được cân nhắc kỹ và đều có dụng ý riêng với những mục tiêu riêng mà chỉ sau này phải phân tích kỹ, đối chiếu kỹ và có thể sau này khi mọi việc liên hệ đã xảy ra rồi, người ta mới có thể hiểu được.

Phạm Cao Dương

Chú thích:

1 - Dương Trung Quốc. *Việt Nam : Những Sự Kiện Lịch Sử (1919-1945)*. Hà Nội: Nhà Xuất Bản Giáo Dục, 202.tr. 388.

2 - Lê Thần Trần Trọng Kim. *Một cơn Gió Bụi (Kiến Văn Lục)*. Saigon, Nhà Xuất Bản Vĩnh Sơn, 1969. tr. 49.

3 - nt - , tr. 51.

4 - Dương Trung Quốc, *Việt Nam...*, tr. 388; Nguyễn Vỹ. Tuấn, *Chàng Trai Nước Việt (Chứng Tích Thời Đại Từ 1900 đến 1970, Quyển II*. Saigon, ?, 1970. Fort Smith, AR tái bản ở Hoa Kỳ, ?. tr. 512.; S.M. Bao Dai. *Le Dragon d'Annam*. Paris, Plon. 1990. Cameron, Allan W. *Viet-Nam Crisis, A Documentary History, Volume I: 1940-1956*. Ithaca, N.Y. Cornell University Press, 1971.. tr. 31-32. Hai bản tiếng Việt in trong tác phẩm của Dương Trung Quốc và tác phẩm của Nguyễn Vỹ hơi khác nhau ngôn từ những hoàn

giống nhau về nội dung. David G. Marr trong *Việt Nam 1945, The quest for Power* (Berkeley, University of California Press, 1995, tr. 71) có nói tới các bản tiếng Việt và tiếng Pháp ở văn khố Pháp và bản đăng trên tờ Dân Báo, ngày 12 tháng Ba. Vũ Ngự Chiêu cũng nói tới tờ Tin Mới, nhưng nhất thời người viết bài này chưa đến được các nơi cần đến để tìm kiếm.

5 - Taboulet, Georges. *La Geste Française en Indochine, Histoire par les textes de la France en Indochine des origines à 1914*, tome II, Paris, Adrien - Maisonneuve, 1956. tr. 809 - 812; Phan Khoang, *Việt Nam Pháp Thuộc Sử, 1884 - 1945*. Saigon,, ?, 1961. Tái bản ở Hoa Kỳ. tr. 322 - 328.

6 - Phạm Khắc Hòe, *Từ Triều Đình Huế Đến Chiến Khu Việt Bắc*. Huế, Thuận Hóa, 1987, tr. 16 -.

7 - Bảo Đại, *Le Dragon d'Annam*, đã dẫn, tr. 103.

8 - Võ Nguyên Giáp, *Những Năm Tháng Không Thể Nào Quên*, trong *Tổng Tập Hồi Ký*. Hà Nội, Nhà Xuất Bản Quân Đội Nhân Dân, 2006, tr.. 255.

9 - Phạm Khắc Hòe, *Từ Triều Đình Huế...*, tr. 76.

10 - Phùng Quán, *Ba Phút Sự Thật. Thành Phố Hồ Chí Minh*, Nhà Xuất Bản Văn Nghệ, 2006, tr. 114 - 115.

11 - Hồ Chí Minh, *Tuyên Ngôn Độc Lập Nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa*. Hà Nội, Nhà Xuất Bản Sự Thật, 1976, tr.13. Nguyễn Khánh Toàn và Lữ Huy Nguyên, *Tổng Tập Văn Học Việt Nam*, Tập 36. Hà Nội, 1980. tr. 812 - 823.

12 - nt

13 - Trần Thanh Hiệp và Trương Giang, *Một Bản Tuyên Ngôn Phi Nhân Quyền, trên Người Việt*, số 7940, ngày Thứ hai, 3 tháng 9 năm 2007.

<https://hopluu.net/a1913/tu-bao-dai-den-ho-chi-minh-hai-ban-tuyen-ngon-doc-lap>